

Bản án số: 187/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1976.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 28, ngõ D, phường Tr, quận Tr1, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người được chị H ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Chị Ngô Thị M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Ph, xã L, huyện V, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 29/7/2021).

2. Bị đơn: Anh **Vũ Đức Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4, thôn D1, xã N, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Liên Bang Nga.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Đức Đ1**, sinh năm 1958; bà **Nguyễn Thị Th1**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn D1, xã N, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Vũ Đức Đ được D tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan đại diện Việt Nam tại Liên Bang Nga vào ngày 19/02/2009. Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau tại Liên Bang Nga, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, sức khỏe của chị không đảm bảo để làm việc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Đ luôn gây áp lực cho chị cả về kinh tế lẫn tinh thần, khiến cho sức khỏe của chị càng bị ảnh hưởng. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không có biện pháp tháo gỡ nên chị đã trở về Việt Nam từ năm 2015, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đức Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Tiến D2, sinh ngày 07/4/2005 và Vũ Minh H1, sinh ngày 15/02/2009, hiện các con đang ở với ông bà nội. Chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị nhất trí giao cả hai con chung cho ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1 nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1 (là bố, mẹ anh Đ) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Thông qua gia đình anh Đ trình bày vợ chồng không quan tâm đến nhau từ lâu, tình cảm không còn nên chị H xin ly hôn, anh có quan điểm nhất trí. Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Tiến D2 và Vũ Minh H1 cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bố, mẹ anh chăm sóc các con chung và anh có trách nhiệm gửi tiền về cho ông bà nuôi con cho anh. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ông Đ1, bà Th nhất trí nhận ủy quyền của anh Đ về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D2 và cháu H1, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H và anh Đ là Vũ Tiến D2 và Vũ Minh H1 có nguyện vọng được ở với bố và ông, bà nội.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho chị Ngô Thị M thay chị giao nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị M đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Kim H ly hôn anh Vũ Đức Đ. Về con chung: Giao con chung Vũ Tiến D2 và Vũ Minh H1 cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam tạm giao cháu Vũ Tiến D2 và Vũ Minh H1 cho ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1 nuôi dưỡng. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Vũ Đức Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xóm 4, thôn D1, xã N, huyện Th, tỉnh Hải Dương, hiện anh Đ đang lao động tại Liên Bang Nga. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Liên bang Nga. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh Đ, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, ông Đ1 và bà Th có quan điểm xin được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Đ cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Vũ Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan đại diện Việt Nam tại Liên Bang Nga ngày 19/02/2009, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2015 chị H trở về Việt Nam sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Thông qua gia đình anh Đ cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Tiến D2, sinh ngày 07/4/2005 và Vũ Minh H1, sinh ngày 15/02/2009, hiện các con đang ở với ông bà nội là ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1. Thông qua gia đình, anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con, đồng thời anh ủy quyền cho ông Đ1 và bà Th nuôi dưỡng các con trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Ông Đ1, bà Th nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc cháu D2 và cháu H1.

Xét thấy, các con của chị H và anh Đ có nguyện vọng được ở với anh Đ và ông, bà nội cho đến khi anh Đ về nước. Chị H cũng nhất trí giao cả hai con cho anh Đ nuôi dưỡng và đồng ý để ông Đ1, bà Th chăm sóc các con trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Vũ Tiến D2 và Vũ Minh H1 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu D2 và cháu H1 cho ông Đ1 và bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim H ly hôn anh Vũ Đức Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vũ Đức Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Tiến D2, sinh ngày 07/4/2005 và Vũ Minh H1, sinh ngày 15/02/2009 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu D2 và cháu H1 cho ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Kim H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị H đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004277 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim H, ông Vũ Đức Đ1 và bà Nguyễn Thị Th1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan đại diện Việt Nam tại Liên Bang Nga;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền
(Đã ký)